

# KINH TẾ VĨ MÔ VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN NĂM 2009



PHÒNG PHÂN TÍCH - TƯ VẤN  
Trình bày: NGUYỄN HỒNG TRÂM

# NỘI DUNG



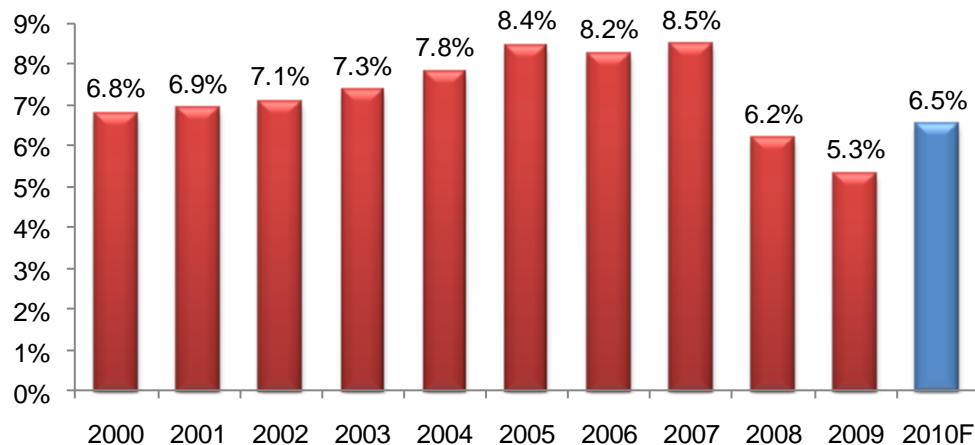
**I. KINH TẾ VĨ MÔ**

**II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN**

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • GDP

Tăng trưởng GDP qua các năm



Kết thúc năm 2009, nền kinh tế đã cán đích thành công với tốc độ tăng trưởng đạt 5,3%.

Nguồn: Tổng cục thống kê

Tuy thấp hơn mức 6,2% của năm 2008 nhưng trong bối cảnh suy thoái kinh tế toàn cầu, Việt Nam vẫn thuộc số ít những nước duy trì được tăng trưởng dương và thuộc nhóm nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới.

GDP một số quốc gia trong khu vực (%):

Năm	Trung Quốc	Việt Nam	Indonesia	Philipines	Hongkong	Malaysia	Thái Lan
1999	7.6	4.8	0.8	3.4	2.6	6.1	4.4
2000	8.4	6.8	4.9	4.4	8.0	8.6	4.6
2001	8.3	6.9	3.5	1.8	0.5	0.5	1.9
2002	9.1	7.1	3.7	4.4	1.8	5.4	5.7
2003	10.0	7.3	4.1	4.9	3.0	5.8	6.8
2004	10.1	7.8	5.1	6.4	8.5	6.8	6.3
2005	10.4	8.4	5.6	4.9	7.1	5.0	4.5
2006	11.6	8.2	5.5	5.4	7.0	5.9	5.0
2007	13.0	8.5	6.3	7.2	6.4	6.3	4.8
2008	9.0	6.2	6.0	4.6	2.4	4.7	4.0
2009E	8.5	5.3	4.3	1.0	-2.5	-2.5	-3.0

Nguồn: MHBS tổng hợp

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • GDP



Quý I 2009 GDP tăng trưởng 3,1% - mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Tuy nhiên, các quý sau đó tốc độ tăng trưởng đã dần được cải thiện, từ quý III và quý IV 2009, tăng trưởng GDP đã cao hơn so với cùng kỳ năm 2008, báo hiệu nền kinh tế đã qua khỏi thời kỳ khó khăn nhất và đang dần hồi phục.

*Nguồn: Tổng cục thống kê*

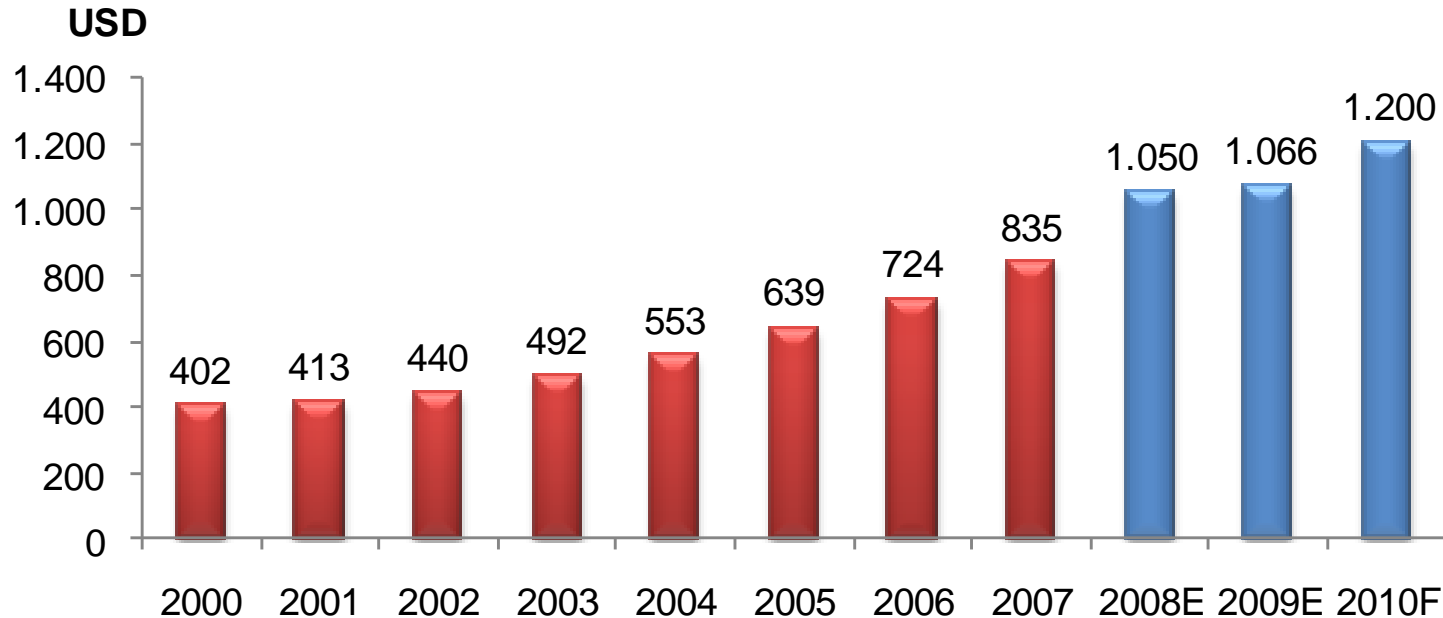
Ngày 06/11/2009, Nghị quyết về phát triển kinh tế xã hội năm 2010 của Quốc hội đã nhất trí đặt chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng GDP 2010 là khoảng 6,5%. Đây là phương án phát triển an toàn nhằm ổn định môi trường kinh tế vĩ mô trước khi thực sự hồi phục và tăng tốc. Dựa vào mức tăng trưởng GDP 2 quý cuối năm 2009 và những chính sách Chính phủ sẽ triển khai trong năm 2010, chúng tôi cho rằng mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2010 đạt 6,5% là hoàn toàn khả thi.

Một kịch bản khác mà Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - xã hội Quốc gia đưa ra là GDP 2010 tăng trưởng 7%. Tuy nhiên mức tăng trưởng cao hơn như vậy có thể sẽ phải đánh đổi bằng việc tăng đầu tư và chi tiêu của Chính phủ dẫn đến tăng thâm hụt ngân sách và tăng lạm phát.

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • GDP

### GDP bình quân đầu người qua các năm



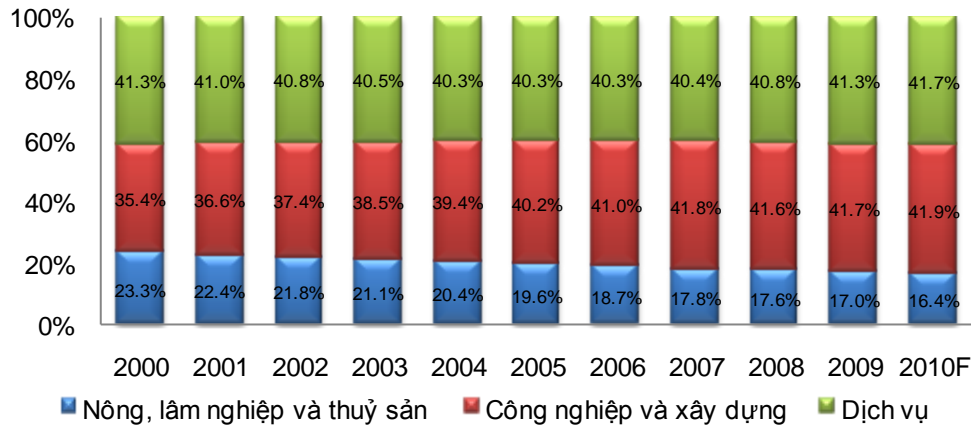
*Nguồn: Tổng cục thống kê. MHBS ước tính*

Tổng cục thống kê chưa công bố số liệu chính thức về dân số Việt Nam 2009. Tuy nhiên dựa vào những số liệu thống kê mới nhất, chúng tôi ước tính GDP bình quân đầu người Việt Nam năm 2009 đã đạt 1.066 USD. Năm 2010 phấn đấu đạt con số 1.200 USD

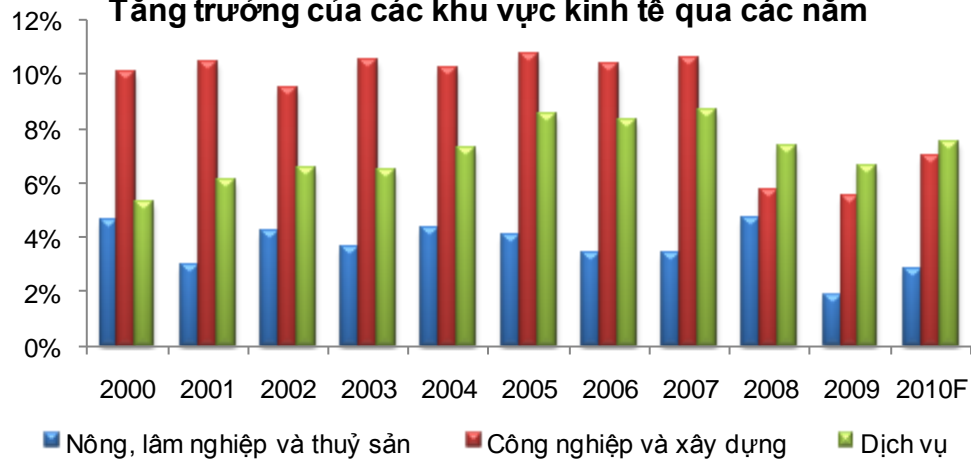
# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • GDP

**Cơ cấu GDP theo khu vực kinh tế**



**Tăng trưởng của các khu vực kinh tế qua các năm**



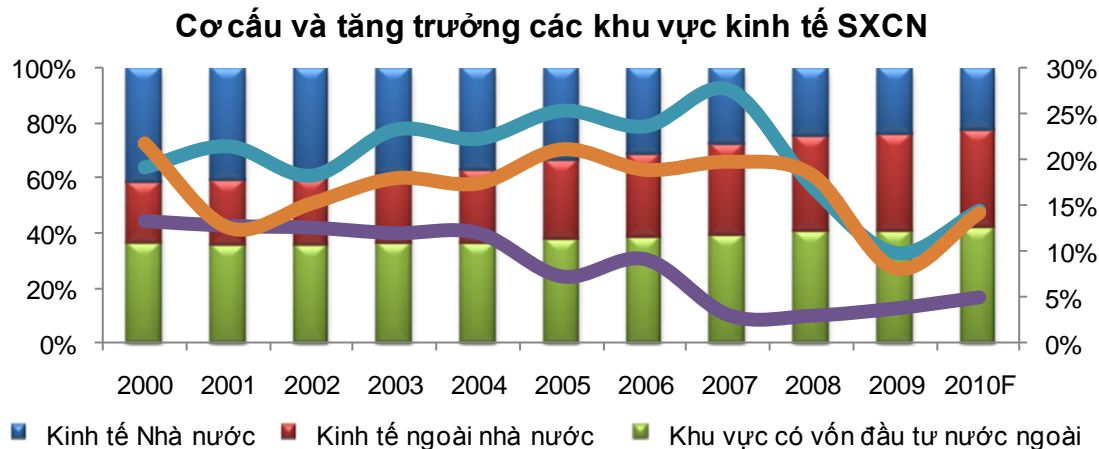
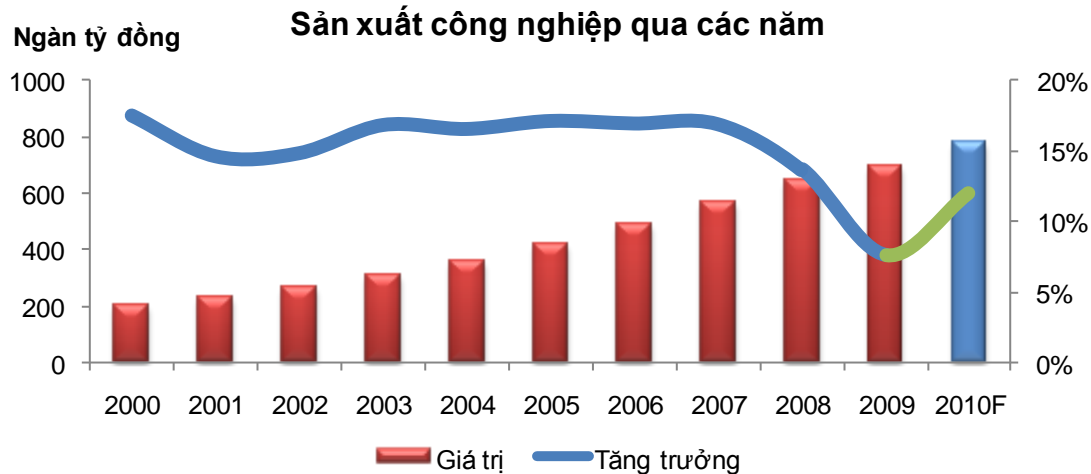
Nguồn: Tổng cục thống kê. MHBS ước tính

Từ năm 2000 đến nay, tỷ trọng khu vực công nghiệp và xây dựng đã tăng từ 35,4% lên 41,7%, tỷ trọng khu vực nông, lâm thủy sản giảm từ 23,3% xuống 17%. Tăng trưởng GDP khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm mạnh trong năm 2009. Điều này phù hợp với định hướng phát triển Việt Nam cơ bản trở thành một nước công nghiệp vào năm 2020. Tuy nhiên, để có thể hoàn thành mục tiêu, chúng ta cần phải tăng tốc trong việc chuyển đổi cơ cấu theo hướng nâng cao tỷ trọng đóng góp vào GDP của các khu vực công nghiệp và xây dựng, dịch vụ.

Chỉ tiêu tăng trưởng năm 2010 đề ra cho khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản là 2,8%; khu vực công nghiệp và xây dựng 7%; khu vực dịch vụ 7,5% so với năm 2009

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Sản xuất Công nghiệp



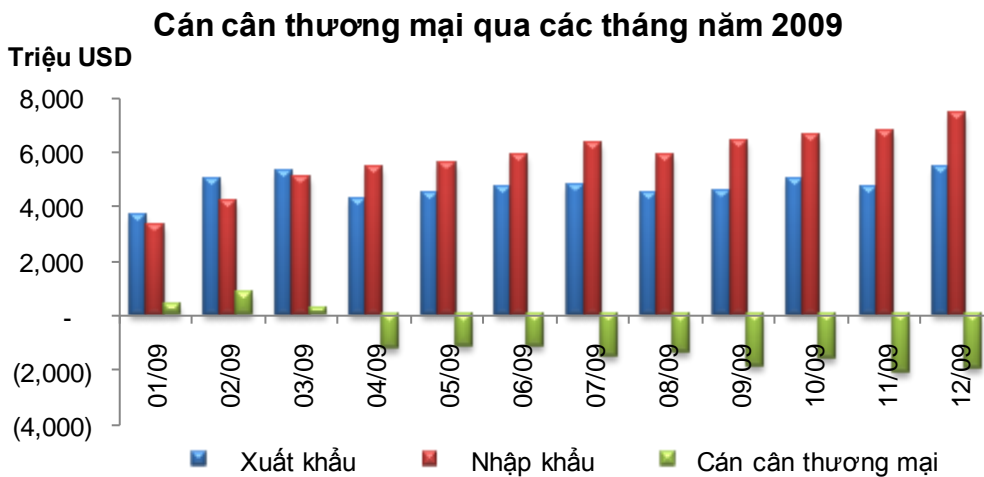
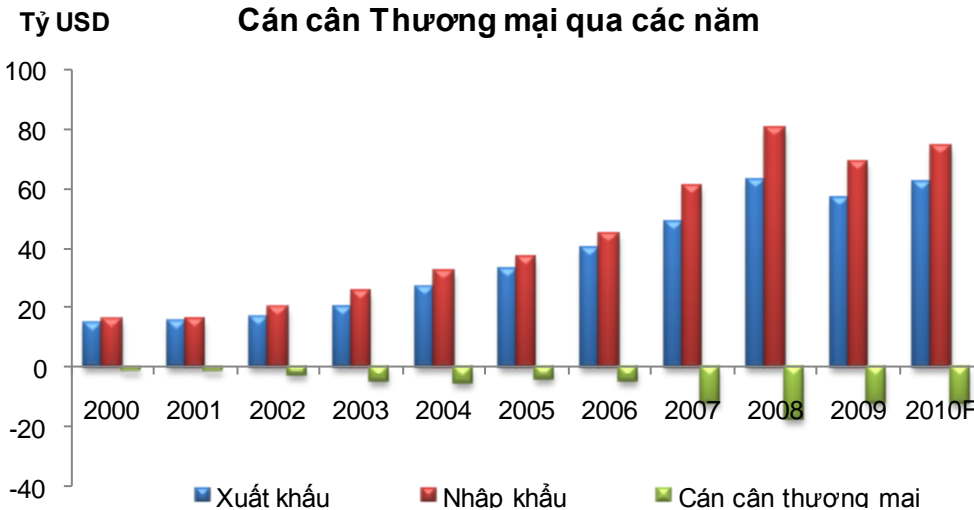
Thị trường xuất khẩu thu hẹp ảnh hưởng mạnh tới sản xuất công nghiệp. Năm 2009 giá trị sản xuất công nghiệp đạt 696.577 tỷ đồng, tăng 7.6% so với năm 2008 - mức tăng trưởng thấp nhất trong nhiều năm qua. Trong đó tỷ trọng và tốc độ tăng trưởng của khối Doanh nghiệp Nhà nước có xu hướng ngày càng giảm.

Mục tiêu Bộ Công thương đưa ra năm nay là tăng trưởng sản xuất Công nghiệp đạt 12%, trong đó khu vực kinh tế Nhà nước đạt 4,9%, khu vực kinh tế ngoài Nhà nước đạt 14,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 14,2%

Nguồn: Tổng cục thống kê, Bộ Công thương

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Thương mại Việt Nam



▪ Cuối năm 2009, kim ngạch xuất khẩu (KNXK) ước tính đạt 56,6 tỷ USD, giảm 10% so với năm 2008.

▪ Kim ngạch nhập khẩu (KNNK) ước tính đạt 68,8 tỷ USD, giảm 14,4% so với năm 2008.

▪ Nhập siêu 12.246 tỷ USD, bằng 21,6% KNXK 2009 và giảm 30% so với nhập siêu năm 2008.

Nguồn: Tổng cục thống kê, Bộ Công thương



# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Thương mại Việt Nam

- Năm 2010, Quốc hội đề ra chỉ tiêu tăng trưởng KNXK là 6%, tương đương đạt 60 tỷ USD.
- Đồng thời Chính phủ cũng có chỉ đạo kiểm soát nhập siêu không quá 20% KNXK, nghĩa là KNNK năm 2010 ở mức 71,9 tỷ USD, tăng trưởng 5,3%.
- Điều này rất khó thực hiện được do tình hình kinh tế dần hồi phục khiến nhu cầu nhập hàng hóa tăng, đồng thời giá cả các mặt hàng đều tăng do đó KNNK sẽ tăng ít nhất là 9%. Theo dự báo của Bộ Công thương, KNNK năm 2010 là 74,4 tỷ đồng, như vậy với chỉ tiêu tăng trưởng KNXK do Quốc hội đề ra thì nhập siêu sẽ tương đương 24,3% KNXK.

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Thương mại Việt Nam

▪ Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng tình hình xuất khẩu năm 2010 có thể khả quan hơn chỉ tiêu mà Quốc hội đưa ra. Mặc dù chúng ta sắp phải đối mặt với các rào cản mới như quy định truy xuất nguồn gốc thủy hải sản đánh bắt của thị trường EU, gây bất lợi đối với ngành thủy sản, nhưng đối với một số ngành như gạo, cao su, .., thị trường xuất khẩu được đánh giá là rất có tiềm năng. Hơn nữa, trong nhiều năm gần đây, tăng trưởng KNXK của Việt Nam luôn đạt kết quả ấn tượng, năm 2009 thực chất lượng xuất khẩu vẫn tăng nhưng do ảnh hưởng bởi giá cả hàng hoá thế giới giảm mạnh trong 9 tháng đầu năm (theo thống kê của IMF, giá bình quân năm 2009 giảm 31,12% so với giá bình quân năm 2008) nên dẫn đến kết quả tăng trưởng âm. Những tháng cuối năm 2009 mặt bằng giá tăng trở lại và xu hướng này nhiều khả năng sẽ tiếp tục duy trì trong năm 2010 do đó giá trị KNNK năm 2010 của Việt Nam theo chúng tôi dự tính rất có thể sẽ đạt được mức tăng trưởng 9-10%. Nhập siêu năm 2010 dự kiến sẽ nằm trong khoảng 12 - 13 tỷ USD, tương đương khoảng 20% KNXK.

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Bán lẻ hàng hóa và Dịch vụ tiêu dùng



Nguồn: Tổng cục thống kê

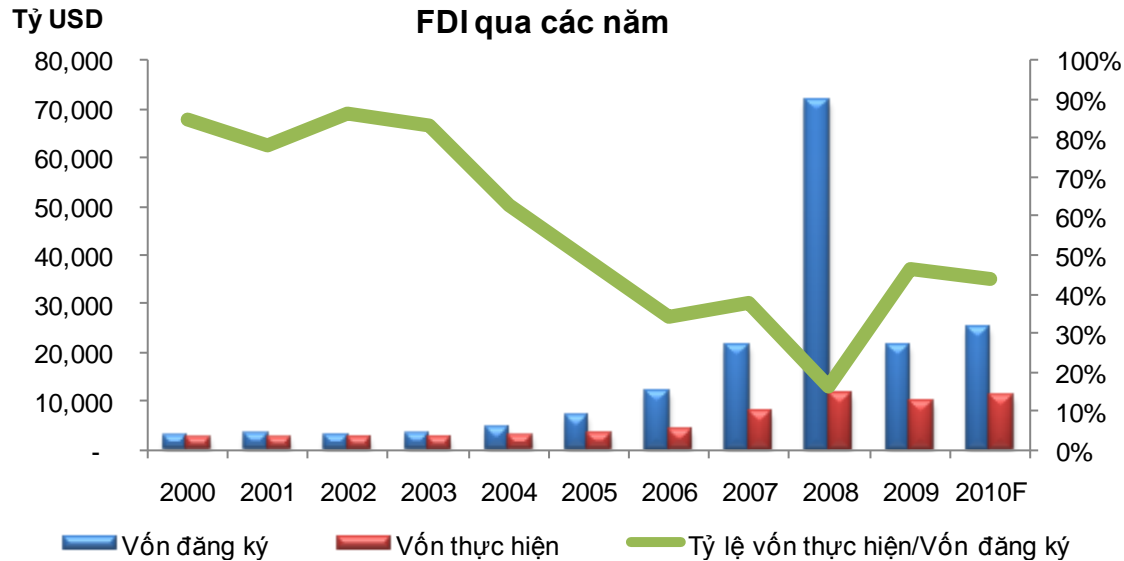
Tuy năm 2009 giá cả các mặt hàng tương đối bình ổn nhưng do ảnh hưởng của thị trường xuất khẩu và tình hình tín dụng bị kiểm soát chặt vào cuối năm khiến người dân hạn chế chi tiêu, mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng năm 2009 chỉ tăng 18,6% so với năm 2008.

Dự kiến năm 2010 doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có thể tăng trưởng 18%

Với quy mô dân số xấp xỉ 86 triệu người, Việt Nam là một thị trường bán lẻ tiềm năng mà các nhà sản xuất kinh doanh trong nước cũng như nước ngoài nhắm đến.

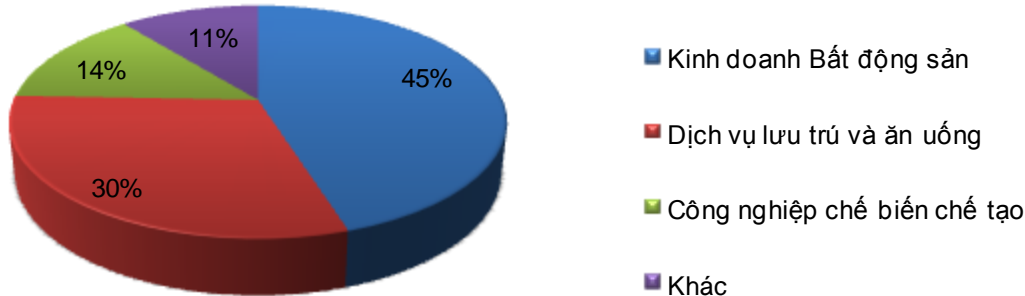
# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):



■ Do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, FDI đăng ký mới và tăng thêm năm 2009 đạt 21,5 tỷ USD, giảm 70% so với năm 2008. Số vốn giải ngân đạt 10 tỷ USD, bằng 87% năm 2008.

FDI phân theo một số lĩnh vực



■ 45% vốn đăng ký mới đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản, như vậy có thể thấy đây là lĩnh vực được các nhà đầu tư nước ngoài cho là có tiềm năng lớn ở Việt Nam

Nguồn: Tổng cục thống kê, Cục Đầu tư nước ngoài

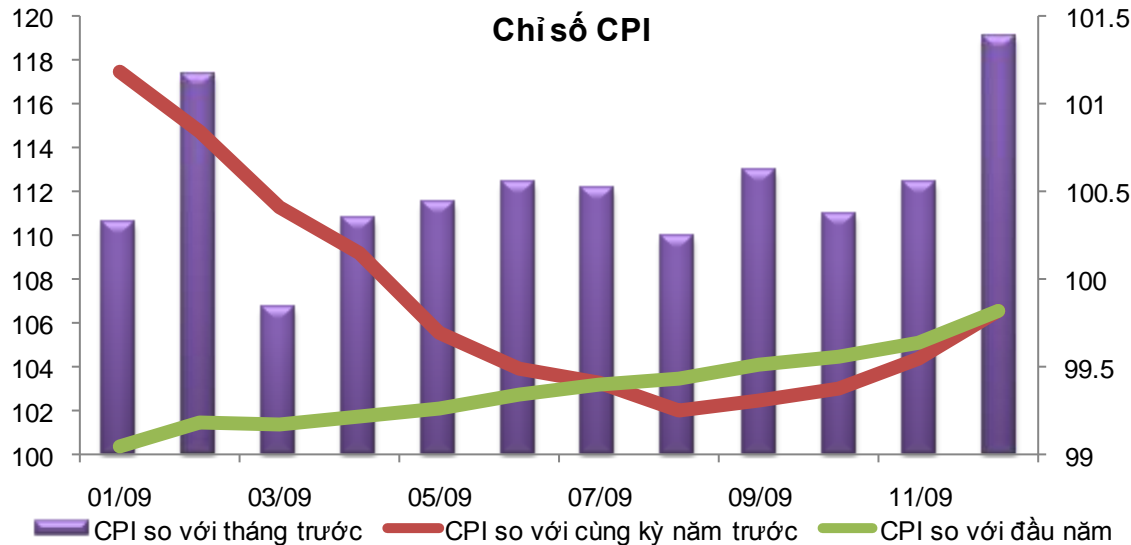
# I. KINH TẾ VĨ MÔ

- **Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI):**

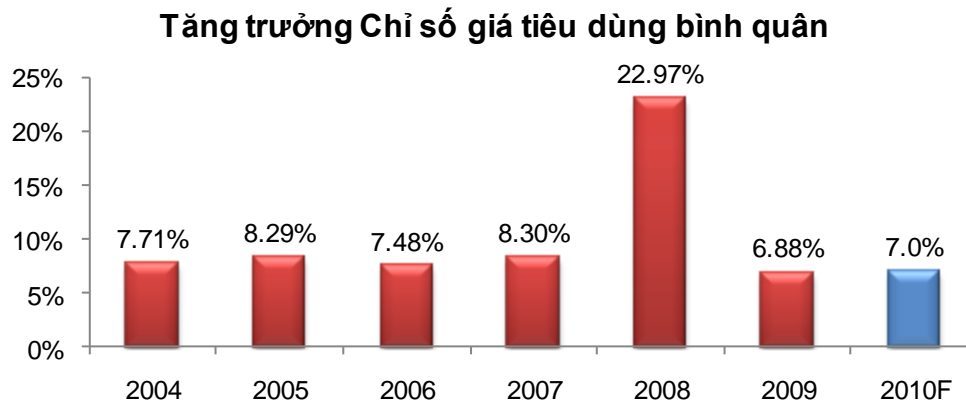
- Năm 2010 dự kiến vốn FDI đăng ký mới có thể đạt 22-25 tỷ USD, vốn giải ngân dự kiến 11 tỷ USD. Nền kinh tế thế giới vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục rõ ràng do đó tiến độ giải ngân FDI vào Việt Nam còn rất dè dặt. Trong thời điểm hiện tại việc cần thiết trước mắt là xây dựng và hoàn thiện nền tảng, cơ sở hạ tầng vững chắc, hệ thống pháp lý chuẩn mực, .., để trong những năm tới có thể thu hút được nhiều hơn và hấp thu hiệu quả lượng vốn này mà không gây ra những áp lực không tốt lên tỷ giá, lạm phát,...

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Lạm phát



CPI các tháng năm 2009 tương đối ổn định, ngoại trừ tháng 2 và tháng 12, các tháng còn lại đều giữ mức tăng dưới 1%. CPI cuối năm dừng lại ở mức 6,52% so với năm 2008, thấp hơn nhiều so với chỉ tiêu 10% Quốc hội đã đề ra. Như vậy Chính phủ đã kiểm soát khá tốt vấn đề lạm phát trong năm 2009



Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2009 tăng 6,88% so với bình quân năm 2008, là mức thấp nhất trong 6 năm trở lại đây

Nguồn: Tổng cục thống kê

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

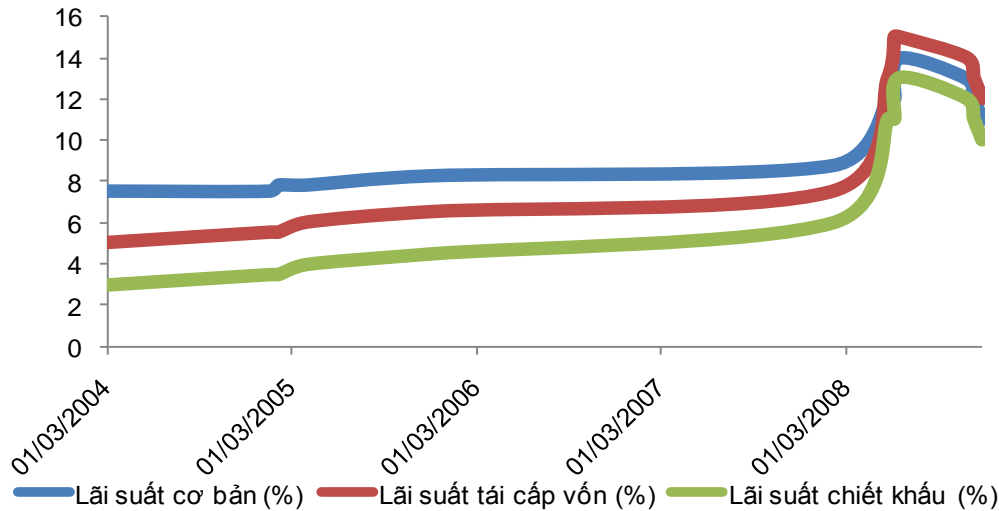
- **Lạm phát**

Năm 2010, Quốc hội tiếp tục điều hành nền kinh tế phát triển theo tiêu chí tăng trưởng hợp lý, bền vững, lạm phát giữ khoảng 7%. Tuy nhiên, kết quả này có đạt được hay không còn phụ thuộc nhiều vào các chính sách tiền tệ và các điều kiện khách quan khác trong năm 2010.

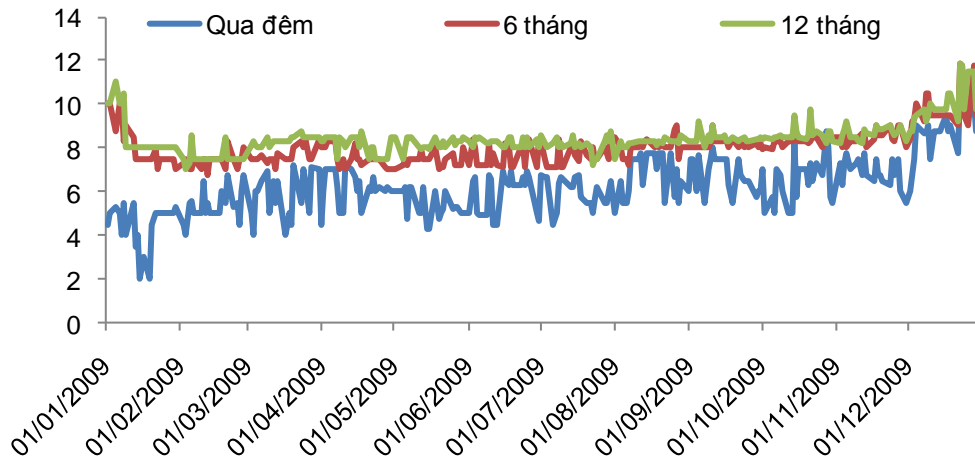
Tăng trưởng tín dụng khá nóng năm 2009 cộng với giá cả nguyên vật liệu thế giới nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng lên khi nền kinh tế thế giới bước vào giai đoạn hồi phục gây ra mối lo ngại về tái lạm phát cao trong năm 2010. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng lạm phát năm 2010 sẽ được kiểm soát dưới 10%.

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Lãi suất



**Biến động lãi suất liên ngân hàng trong năm 2009**



Nguồn: NHNN, Reuters

Quốc gia - Khu vực	Lãi suất cơ bản
Mỹ	0% - 0.25%
Anh	0.50%
Euro	1.25%
Nhật	0.10%
Hàn Quốc	2.00%
Trung Quốc	5.31%
Đài Loan	1.25%
Thái Lan	1.50%
Việt Nam	8.00%

Nguồn: Citi Group, MHBS tổng hợp



# I. KINH TẾ VĨ MÔ

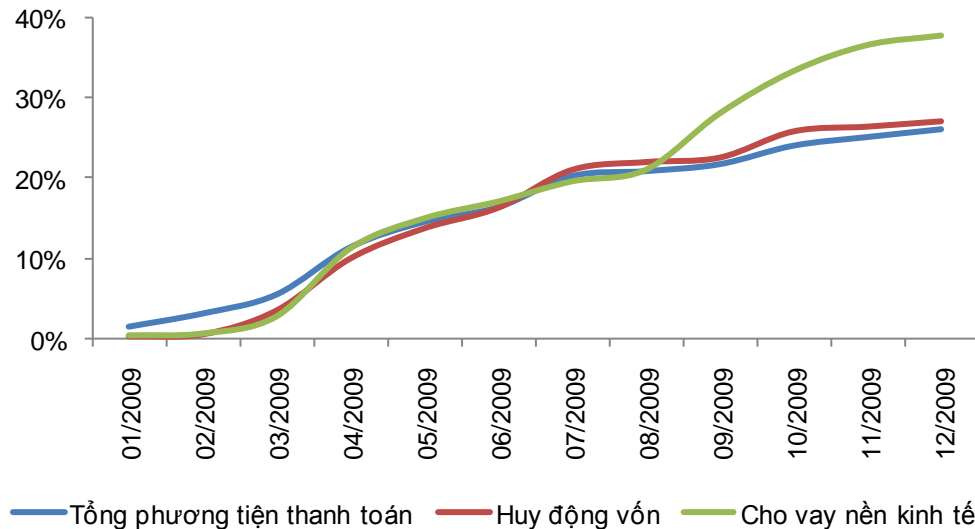
- **Lãi suất**

Từ ngày 01/12/2009, lãi suất cơ bản 8% được áp dụng thay vì 7% như trước đó. Động thái này một mặt nhằm giải tỏa áp lực thiếu nguồn vốn huy động cho các ngân hàng, giảm tình trạng căng thẳng thanh khoản trong hệ thống ngân hàng, mặt khác có tác dụng kiểm soát tín dụng đã tăng trưởng khá nóng trước đó có thể dẫn đến nguy cơ lạm phát cao quay trở lại. Với tình hình hiện nay, mặc dù lạm phát cao có nguy cơ trở lại, song nền kinh tế cũng rất cần nguồn vốn để có thể tăng trưởng, do đó NHNN sẽ phải rất cân nhắc khi quyết định có nâng lãi suất cơ bản nữa hay không nhằm hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng kinh tế và mục tiêu kiểm soát lạm phát. Theo chúng tôi, mặt bằng lãi suất như hiện nay nhiều khả năng sẽ được giữ cho đến hết Quý I 2010 và cuối năm lãi suất cơ bản có thể sẽ được nâng lên 10% nếu lạm phát năm 2010 có dấu hiệu vượt 10%.

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Hoạt động ngân hàng

Hoạt động Ngân hàng trong năm 2009  
(tăng trưởng so với cuối năm 2008)



Nguồn: NHNN Việt Nam

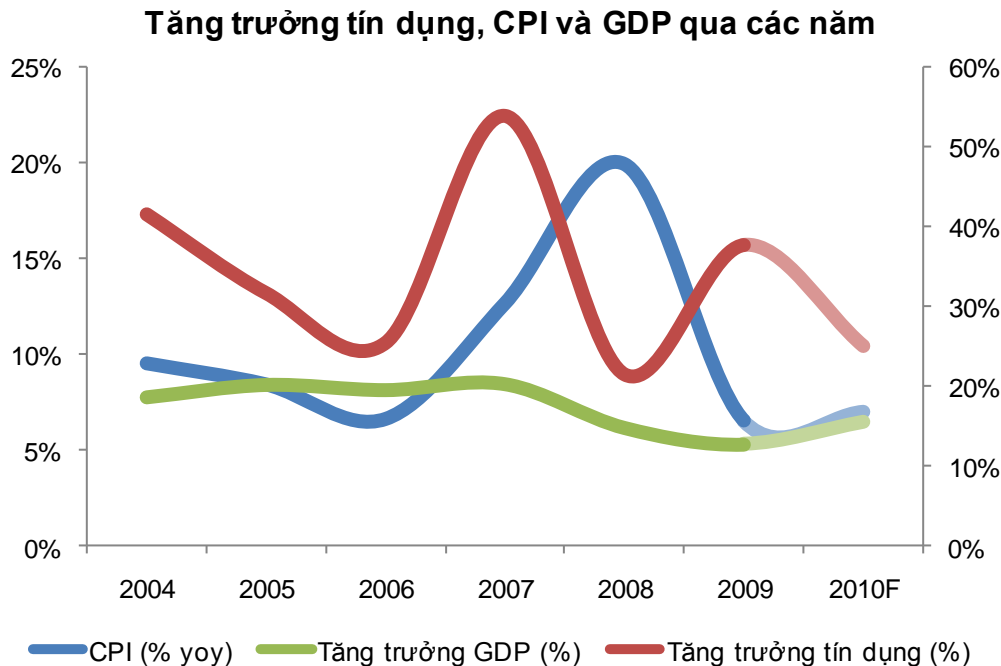
- Năm 2009, tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán trong năm 2009 là 26,02% so với cuối năm 2008. Định hướng năm 2010 tăng 25%.

- Ước tính tổng vốn huy động tăng trưởng 26,98%

- So với cuối năm 2008, tín dụng năm 2009 tăng 37,7% - tương đương 379.477 ngàn tỷ đồng. Chính sự tăng trưởng chưa cân đối giữa vốn huy động và tín dụng đã dẫn đến căng thẳng thanh khoản của hệ thống ngân hàng những tháng cuối năm 2009.

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Tín dụng



Nguồn: NHNN Việt Nam

▪ Định hướng năm 2010 kiểm soát tín dụng tăng trưởng 25% - tương đương 346.511 ngàn tỷ đồng. Việc kiểm soát này nhằm mục đích không cho tín dụng tăng trưởng quá nóng khiến lạm phát cao tái lập, đồng thời vẫn đảm bảo cung cấp đủ nguồn vốn cho nền kinh tế tăng trưởng.

▪ Tổng dư nợ cho vay hỗ trợ lãi suất đến ngày 24/12/2009 đạt 446.952 tỷ đồng. Trong đó Dư nợ cho vay đối với doanh nghiệp nhà nước là 59.379 tỷ đồng, doanh nghiệp ngoài nhà nước là 287.971 tỷ đồng, hộ sản xuất là 64.828 tỷ đồng

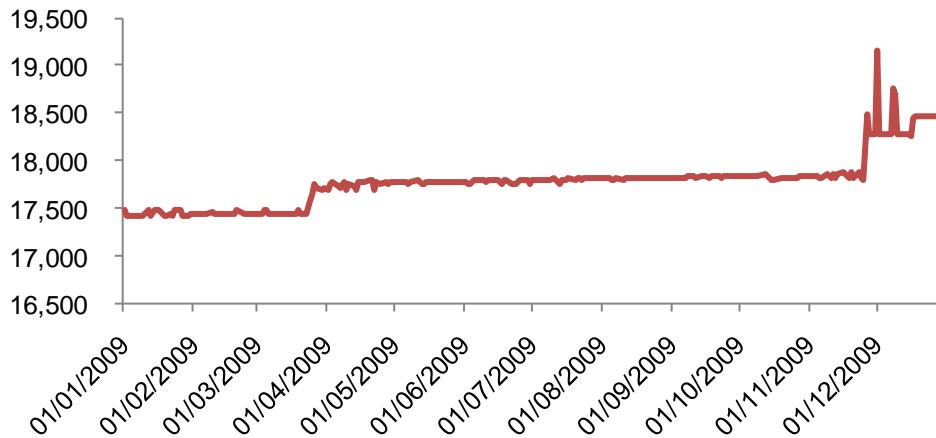
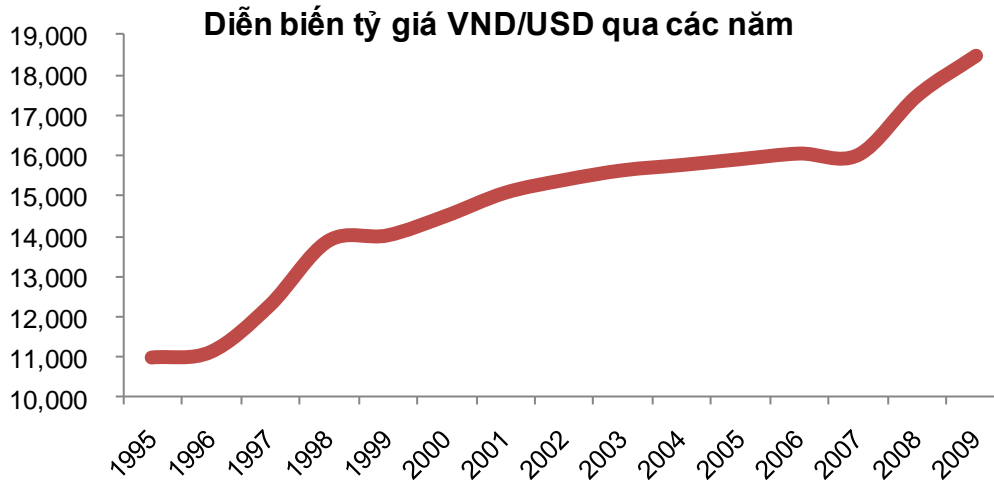
# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Tín dụng

- Chính sách hỗ trợ lãi suất 4% cho cả các khoản vay ngắn hạn và trung, dài hạn theo các Quyết định 131 ngày 23/1/2009 và 443 ngày 4/4/2009 của TTCP đã hỗ trợ các cá nhân và doanh nghiệp có thể ổn định và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn khó khăn năm 2009, qua đó góp phần giúp nền kinh tế có cơ hội hồi phục sớm hơn.
- Hiện nay, Chính phủ đã ngưng hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay ngắn hạn. Điều này chắc chắn sẽ tác động làm giảm lợi nhuận của không ít những doanh nghiệp đã từng được hưởng ưu đãi hỗ trợ lãi suất của nhà nước trong năm 2009.
- Theo Thông tư số 27/2009/TT-NHNN ban hành ngày 31/12/2009, các khoản vay trung, dài hạn giải ngân trong năm 2010 sẽ được hỗ trợ lãi suất 2% trong 24 tháng kể từ ngày giải ngân. Gói hỗ trợ này không giới hạn số tiền cho vay và kéo dài đến cuối năm 2012, đây sẽ là nguồn lực quan trọng hỗ trợ cho các doanh nghiệp đẩy mạnh kinh doanh sản xuất trong năm nay

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Tỷ giá



Nguồn: Reuters

Ngày hiệu lực	Biên độ tỷ giá
01/07/2002	+ - 0.25%
31/12/2006	+ - 0.5%
01/01/2008	+ - 0.75%
10/03/2008	+ - 1%
27/06/2008	+ - 2%
07/11/2008	+ - 3%
24/03/2009	+ - 5%
26/11/2009	+ - 3%

Trong năm 2009, NHNN đã 2 lần điều chỉnh biên độ tỷ giá từ +-3% lên +-5% vào tháng 3 và cuối năm điều chỉnh lại xuống +-3% đồng thời tăng tỷ giá bình quân liên ngân hàng từ 17.031 lên 17.961. Từ khi điều chỉnh đến nay, tỷ giá chính thức luôn kịch trần và tỷ giá ngoài thị trường chợ đen luôn nằm ngoài biên độ cho phép.

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Tỷ giá

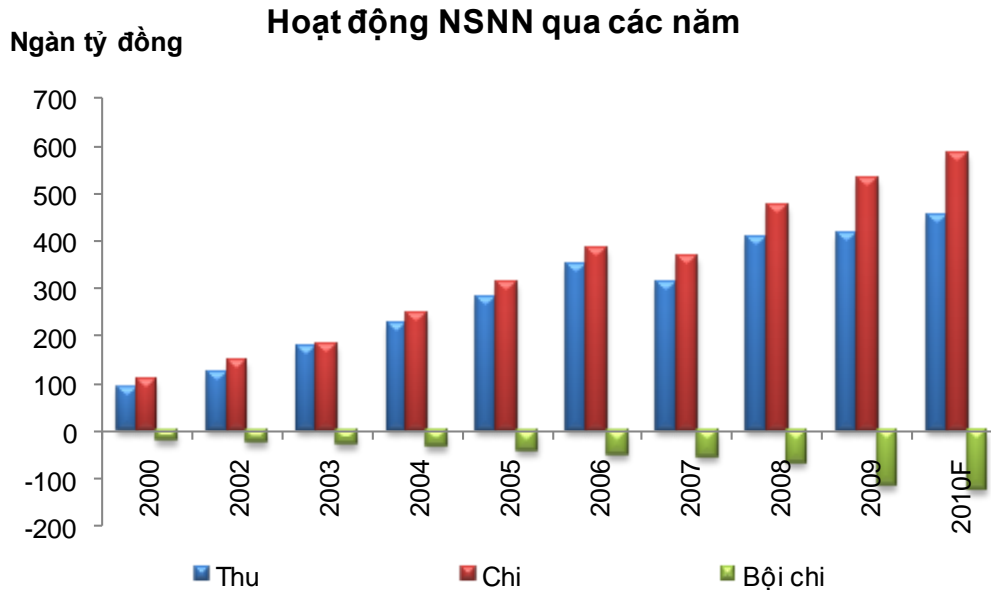
• Việc điều chỉnh tỷ giá VND/USD cao khiến cho hàng hóa trong nước có giá cả cạnh tranh hơn, khuyến khích xuất khẩu, giảm nhập khẩu, góp phần giảm thâm hụt thương mại. Các ngành xuất khẩu như may mặc và nguyên phụ liệu, da giày, hạt điều, dầu dừa, đồ gỗ, than đá, thủ công mỹ nghệ, thủy hải sản, cao su, đóng tàu, thủy tinh, cà phê, hạt tiêu,... sẽ được hưởng lợi từ tỷ giá tăng, đặc biệt các ngành xuất khẩu sử dụng nguyên liệu trong nước càng có lợi thế. Ngược lại, những ngành có tỷ trọng sử dụng nguyên vật liệu nhập khẩu cao như phân bón, dược, nhựa .., có thể bị ảnh hưởng làm giảm lợi nhuận nếu giá bán sản phẩm đầu ra không điều chỉnh tăng tương ứng.

• Tuy nhiên chính sách tỷ giá cao có mặt trái là ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng trong nước, gây tâm lý không ổn định trước lạm phát đồng thời làm tăng gánh nặng nợ nước ngoài trong tài khoản quốc gia.

• Tình hình ngoại hối về cuối năm tuy đã bớt căng thẳng nhưng áp lực tăng giá vẫn rất rõ ràng, do đó chúng tôi cho rằng cuối năm 2010, tỷ giá VND/USD sẽ trong khoảng 18.500 – 19.000

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Ngân sách Nhà nước



Nguồn: Bộ Tài chính, MHBS dự báo

- Cuối năm 2009, tổng thu ngân sách ước tính đạt 417 nghìn tỷ đồng, tổng chi 533 nghìn tỷ đồng, bội chi ngân sách 116 nghìn tỷ đồng, bằng 6,9% GDP

- Chỉ tiêu Quốc hội đề ra cho năm 2010: Tổng thu ngân sách nhà nước 456,4 nghìn tỷ đồng, tổng chi ngân sách nhà nước 581,9 nghìn tỷ đồng, bội chi ngân sách 125,5 nghìn tỷ đồng, bằng 6,5% GDP.

# I. KINH TẾ VĨ MÔ

## • Kết luận

- Với những chính sách linh hoạt và hỗ trợ tích cực của Chính phủ Việt Nam nền kinh tế 2009 có vẻ như đã vượt qua giai đoạn khó khăn nhất và có những dấu hiệu hồi phục nhẹ
- Năm 2010 Việt Nam còn một số vấn đề phải đối mặt: nguy cơ lạm phát cao quay trở lại, tình trạng nhập siêu ... Đây được coi là năm bản lề, có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển hậu khủng hoảng sau này. Do đó, Chính phủ cần có những chính sách hết sức thận trọng và linh hoạt nhằm mục tiêu cân bằng giữa tăng trưởng nhanh và tăng trưởng bền vững của nền kinh tế.
- Hiện nay các thị trường vàng, ngoại tệ đã khá bình ổn, tình hình khan hiếm nguồn vốn huy động cũng như căng thẳng thanh khoản của các NHTM đã được giải tỏa phần nào. Nếu như lạm phát trong năm nay có thể kiểm soát được ở mức dưới 2 con số, chúng ta có thể kỳ vọng vào sự hồi phục rõ nét và vững chắc hơn của nền kinh tế. Khi đó sự hồi phục của nền kinh tế sẽ là yếu tố nền tảng hỗ trợ cho sự tăng trưởng của TTCK Việt Nam.



# I. KINH TẾ VĨ MÔ

- Kết luận

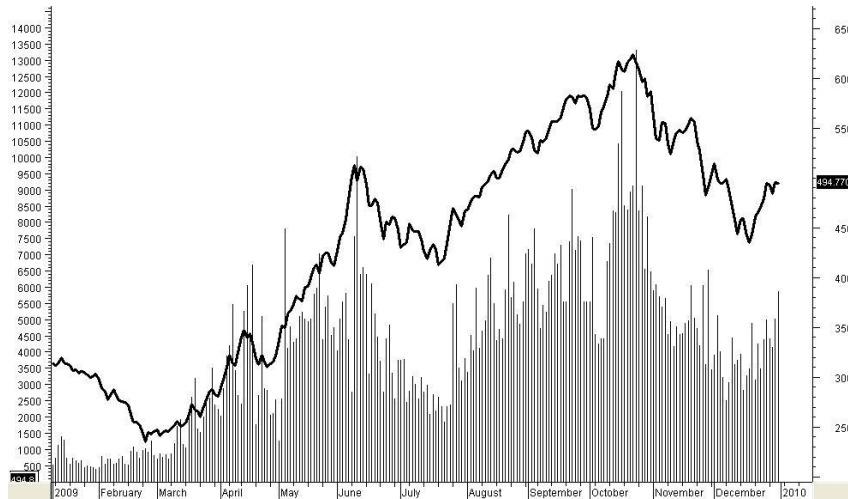
## Một số chỉ tiêu dự báo năm 2010

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Tăng trưởng GDP (%)	5,3%	6.5% - 7%
Tỷ lệ lạm phát (%)	6,5%	7% - 10%
Xuất khẩu (tỷ USD)	56,58	62,00
Nhập khẩu (tỷ USD)	68,83	74,40
Thâm hụt thương mại (tỷ USD)	(12,25)	(12,40)
FDI (tỷ USD)	21,48	25,00
ODA (tỷ USD)	5,85	8,00
Kiểm hối (tỷ USD)	6,28	6,91

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

## • Diễn biến thị trường chứng khoán năm 2009

Sàn HOSE

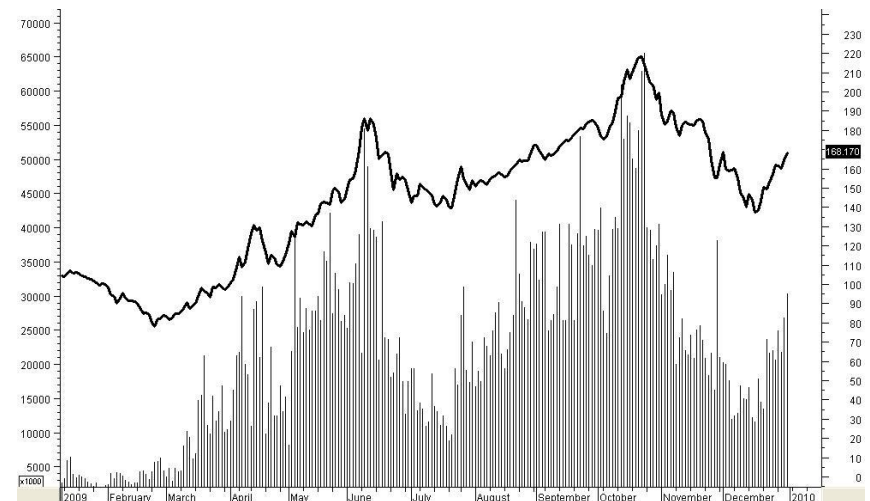


Nguồn: MHBS

Năm 2009, TTGDCK TP. Hà Nội (Hastc) chính thức chuyển thành Sở GDCK TP. Hà Nội (HNX). Cuối năm, chỉ số HN-Index đóng cửa ở 168,7 điểm, tăng 60% so với đầu năm.

Năm 2009 là một năm khá thành công của thị trường chứng khoán. Trong phiên giao dịch cuối cùng của năm, chỉ số VN-Index đóng cửa ở 494,77 điểm, tăng 56,8% so với đầu năm.

Sàn HNX



Nguồn: MHBS

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

## • Tăng trưởng của VN-Index theo tháng và năm:

Rate of Return (Month)

Month	Year										average	max	min	% month up	% month down
	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009					
1		18,8%	-11,8%	-6,0%	28,4%	-2,5%	1,6%	38,5%	-8,9%	-3,9%	6,0%	38,5%	-11,8%	44,4%	55,6%
2		2,7%	-7,9%	-4,5%	21,6%	0,8%	25,1%	9,3%	-21,4%	-19,0%	0,7%	25,1%	-21,4%	55,6%	44,4%
3		6,7%	4,7%	-11,7%	6,5%	4,9%	28,9%	-5,8%	-22,1%	14,2%	2,9%	28,9%	-22,1%	66,7%	33,3%
4		19,2%	4,2%	4,9%	-4,7%	-0,1%	18,3%	-13,8%	1,1%	14,6%	4,8%	19,2%	-13,8%	66,7%	33,3%
5		25,9%	-0,7%	-0,2%	-4,7%	-0,8%	-9,5%	17,1%	-20,7%	28,0%	3,8%	28,0%	-20,7%	33,3%	66,7%
6		23,8%	-2,4%	0,0%	-0,9%	1,1%	-4,3%	-5,3%	-3,5%	8,9%	1,9%	23,8%	-5,3%	44,4%	55,6%
7		-15,6%	-2,2%	-3,9%	-4,5%	-0,5%	-18,1%	-11,4%	13,0%	4,1%	-4,3%	13,0%	-18,1%	22,2%	77,8%
8	13,4%	-34,3%	-3,0%	-2,5%	-2,5%	3,7%	16,3%	0,0%	19,4%	17,1%	2,8%	19,4%	-34,3%	60,0%	40,0%
9	4,8%	-11,9%	-5,0%	-2,4%	0,3%	13,7%	7,2%	15,2%	-15,3%	6,2%	1,3%	15,2%	-15,3%	60,0%	40,0%
10	16,7%	6,5%	-2,5%	-2,2%	-0,3%	6,2%	-2,8%	1,7%	-24,0%	1,1%	0,0%	16,7%	-24,0%	50,0%	50,0%
11	19,8%	10,8%	-0,2%	20,3%	-1,3%	1,3%	23,8%	-8,7%	-9,3%	-14,1%	4,2%	23,8%	-14,1%	50,0%	50,0%
12	22,6%	-18,4%	3,4%	1,9%	4,2%	-1,2%	18,8%	-4,7%	0,3%	-1,9%	2,5%	22,6%	-18,4%	60,0%	40,0%
average	15,5%	2,9%	-1,9%	-0,5%	3,5%	2,2%	8,8%	2,7%	-7,6%	4,6%		15,5%	-7,6%	70,0%	30,0%

Rate of Return (Year)

2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	2007	2008	2009	average
	13,8%	-22,1%	-8,9%	43,3%	28,5%	144,5%	23,3%	-66,0%	56,8%	23,7%

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- Tăng trưởng của HN-Index theo tháng và năm:

Rate of Return (Month)

Month	Year				average	max	min	% month up	% month down
	2006	2007	2008	2009					
1		43,5%	-9,1%	-4,9%	9,8%	43,5%	-9,1%	33,3%	66,7%
2		23,5%	-22,4%	-16,0%	-5,0%	23,5%	-22,4%	33,3%	66,7%
3		-6,1%	-20,5%	17,2%	-3,1%	17,2%	-20,5%	33,3%	66,7%
4		-17,6%	-6,8%	16,9%	-2,5%	16,9%	-17,6%	33,3%	66,7%
5		1,3%	-29,4%	25,3%	-0,9%	25,3%	-29,4%	66,7%	33,3%
6		-15,6%	-5,6%	3,4%	-5,9%	3,4%	-15,6%	33,3%	66,7%
7		-10,9%	27,2%	3,3%	6,5%	27,2%	-10,9%	66,7%	33,3%
8		-0,4%	34,3%	11,9%	15,2%	34,3%	-0,4%	66,7%	33,3%
9		22,6%	-22,8%	7,0%	2,3%	22,6%	-22,8%	66,7%	33,3%
10		22,4%	-22,7%	8,2%	2,7%	22,4%	-22,7%	66,7%	33,3%
11		-10,0%	-9,3%	-18,8%	-12,7%	-9,3%	-18,8%	0,0%	100,0%
12	10,6%	-5,1%	0,9%	3,9%	2,6%	10,6%	-5,1%	75,0%	25,0%
average	10,6%	4,0%	-7,2%	4,8%		10,6%	-7,2%	75,0%	25,0%

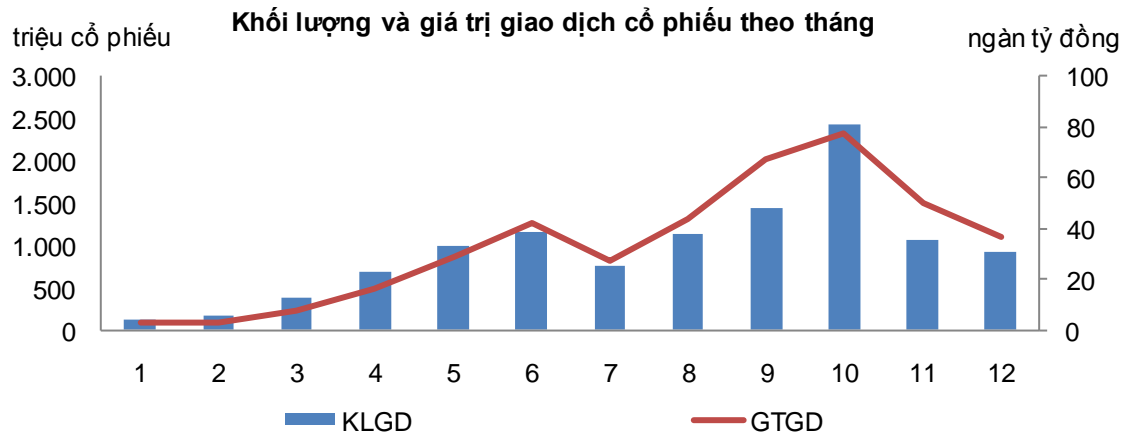
Rate of Return (Year)

2006	2007	2008	2009	average
	33,2%	-67,5%	60,0%	8,6%

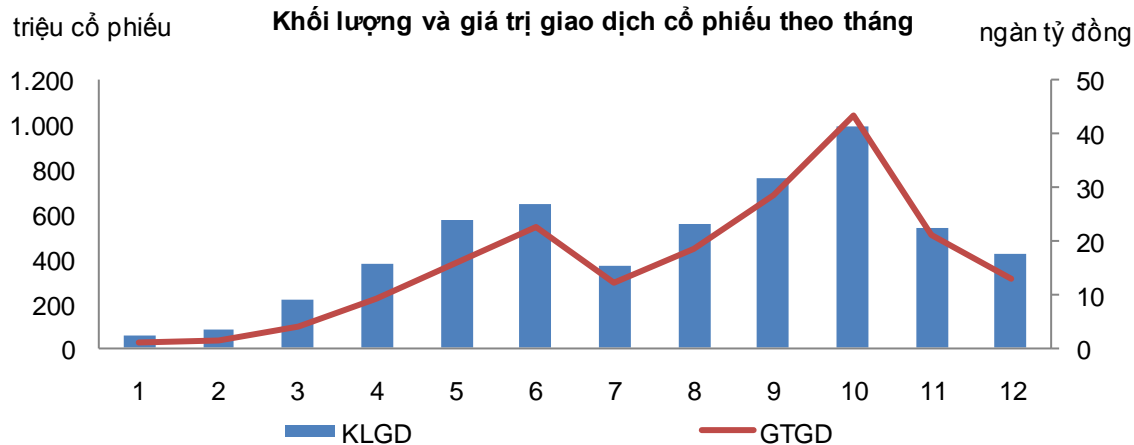
# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

## • Thanh khoản và cung cầu của thị trường

HOSE



HNX



Tháng 10/2009, thị trường chứng khoán Việt Nam đạt mức cao nhất về cả khối lượng lẫn giá trị giao dịch cổ phiếu trên 2 sàn niêm yết:

- Sàn HOSE: KLGD 2.430 ngàn cổ phiếu, tương đương 77 ngàn tỷ đồng

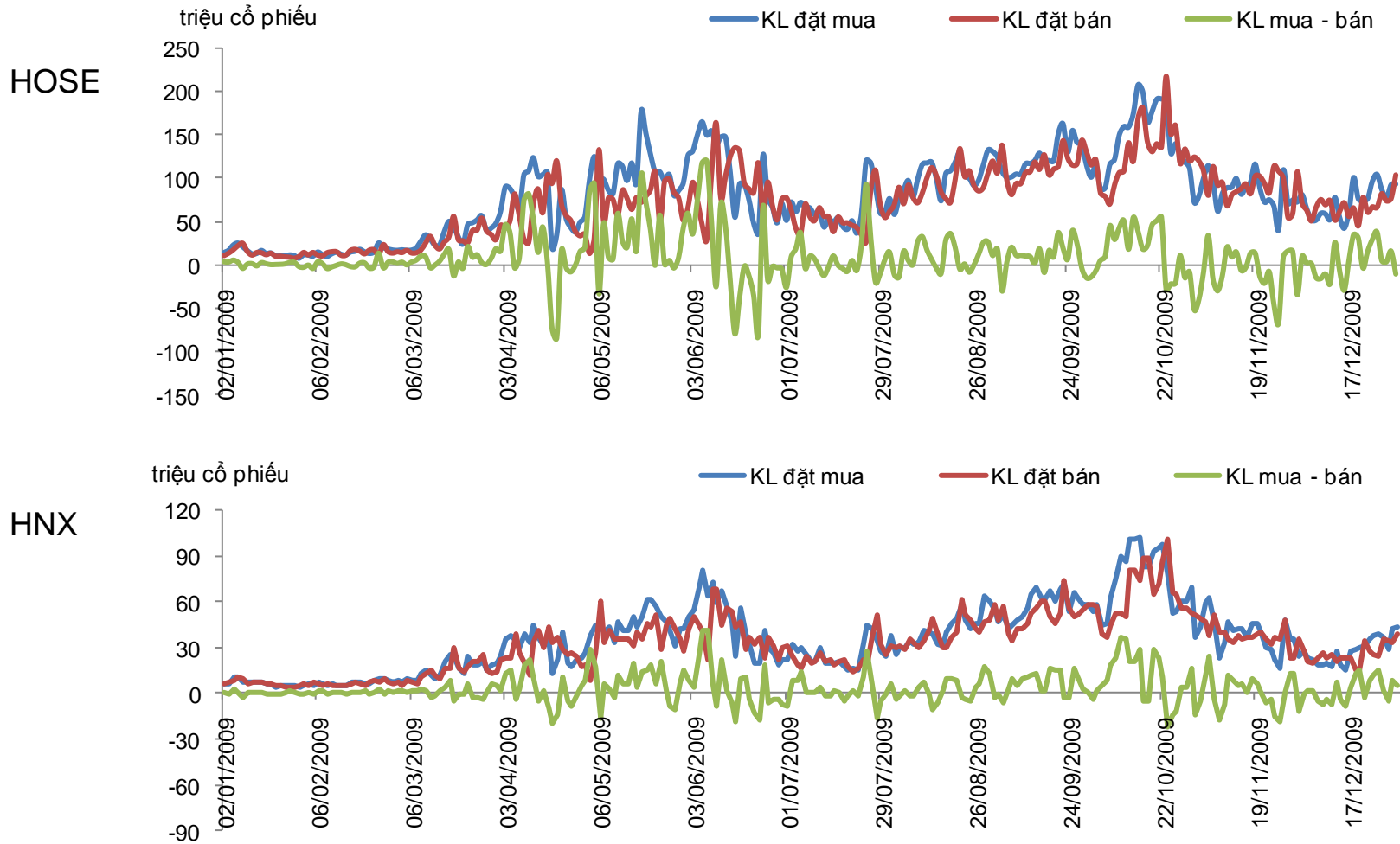
- Sàn HNX: KLGD 992 ngàn cổ phiếu, tương đương 49,7 ngàn tỷ đồng

Đặc biệt, ngày 23/10/2009, có hơn 8 ngàn tỷ đồng giá trị cổ phiếu đã được giao dịch khớp lệnh.

Nguồn: Sở GDCK Tp.HCM, Sở GDCK Hà Nội, UBCKNN

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

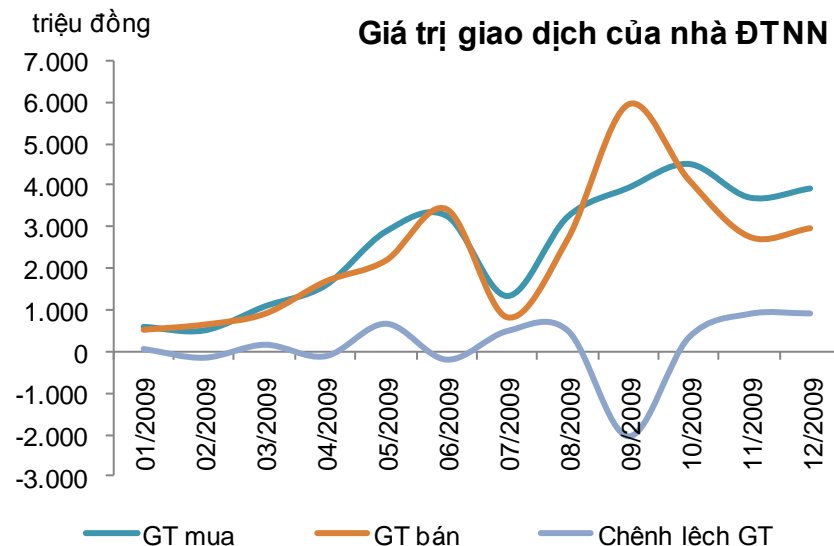
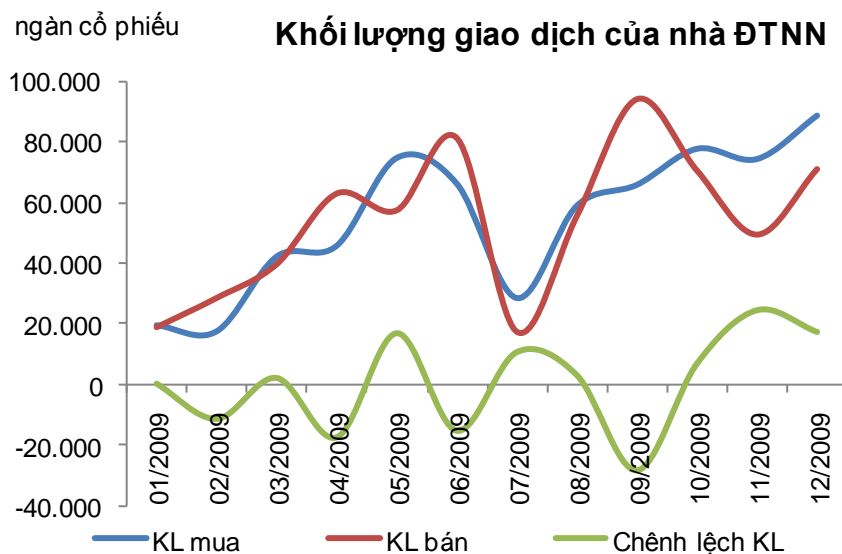
- Thanh khoản và cung cầu của thị trường



Nguồn: Sở GDCK Tp.HCM, Sở GDCK Hà Nội, UBCKNN

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

## • Giao dịch của NĐTNN trên sàn HOSE



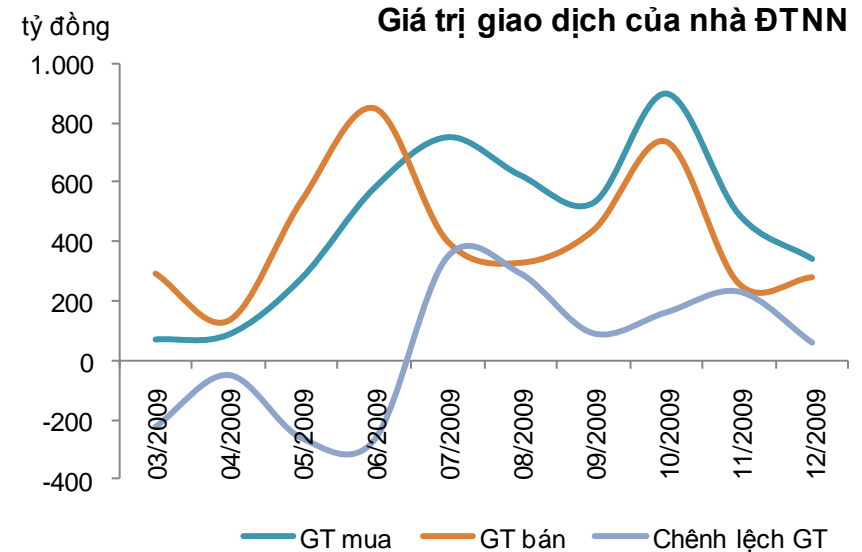
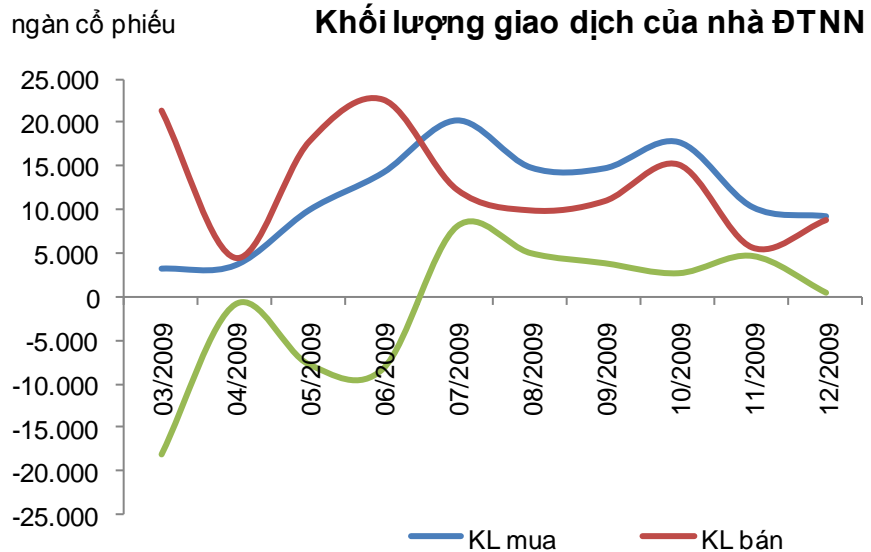
Nguồn: Sở GDCK Tp.HCM, Sở GDCK Hà Nội, UBCKNN

Đơn vị: CP, 1.000 VND

Tháng	Khối lượng giao dịch			Giá trị giao dịch		
	Mua	Bán	Chênh lệch	Mua	Bán	Chênh lệch
12	88.395.440	70.890.650	17.504.790	3.901.735.058	2.976.557.489	925.177.569
11	74.130.600	49.446.840	24.683.760	3.686.031.877	2.771.495.094	914.536.783
10	77.495.950	70.405.720	7.090.230	4.485.326.791	4.137.556.774	347.770.017
9	65.668.500	93.785.540	-28.117.040	3.918.359.043	5.955.001.356	-2.036.642.313

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

## • Giao dịch của NĐTNN trên sàn HNX



Nguồn: Sở GDCK Tp.HCM, Sở GDCK Hà Nội, UBCKNN

Đơn vị: CP, 1.000 VND

Tháng	Khối lượng giao dịch			Giá trị giao dịch		
	Mua	Bán	Chênh lệch	Mua	Bán	Chênh lệch
12	9,157,500	8,792,500	365,000	340,911,430	281,835,230	59,076,200
11	10,237,600	5,661,700	4,575,900	489,593,810	259,481,240	230,112,570
10	17,724,500	15,127,200	2,597,300	896,108,680	735,383,190	160,725,490
9	14,692,300	10,949,000	3,743,300	529,042,950	438,617,480	90,425,470



# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- TOP CP giao dịch của NĐTNN sàn HOSE trong tháng 12/2009 (CP, 1.000 VND)

## KL mua nhiều nhất

HAG	5.110.230
VCB	3.830.110
VIP	3.269.980
STB	3.078.290
PPC	2.935.400
VNM	2.596.770
BVH	2.567.880
SSI	2.267.470
PVD	2.093.200
PVT	2.051.310

## GT mua nhiều nhất

HAG	339.443.820
VNM	190.040.395
VCB	173.686.546
SSI	173.461.830
PVD	159.541.010
GMD	142.316.845
SJS	118.140.395
FPT	108.403.400
HPG	103.926.275
CII	97.598.669

## GT mua ròng nhiều nhất

HAG	268.537.165
SSI	115.451.335
VCB	109.753.343
GMD	84.017.670
VIP	66.200.764
DRC	60.397.745
REE	57.144.668
CII	56.678.454
PNJ	44.730.880
BCI	43.819.264

## KL bán nhiều nhất

PPC	7.160.440
DPM	6.073.880
VNM	4.520.880
HPG	4.089.340
VSH	3.624.330
ITA	2.569.970
VTO	2.479.110
PVF	2.404.600
PVD	2.169.870
FPT	1.804.740

## GT bán nhiều nhất

VNM	324.877.745
HPG	231.949.590
DPM	208.532.567
PVD	157.715.045
VIC	147.159.495
SJS	133.782.305
FPT	132.598.800
PPC	126.449.301
KDC	83.702.205
ITA	78.884.940

## GT bán ròng nhiều nhất

DPM	-141.418.450
VIC	-136.099.500
VNM	-134.837.350
HPG	-128.023.315
PPC	-74.123.116
KDC	-61.019.670
ITA	-54.641.587
VSH	-39.845.905
VTO	-27.970.964
PET	-27.425.508

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- TOP CP giao dịch của NĐTNN sàn HNX trong tháng 12/2009 (CP, 1.000 VND)

## KL mua nhiều nhất

PVS	1.427.900
NTP	851.400
KLS	806.100
DBC	481.100
VCG	371.100
VCS	338.700
PVI	320.300
KBC	279.200
BVS	201.300
BCC	142.900

## GT mua nhiều nhất

NTP	89.679.360
PVS	45.617.060
KLS	21.140.950
VCS	19.210.410
KBC	17.198.690
VCG	16.108.250
DBC	15.435.890
PVI	8.250.100
DXP	7.477.930
BVS	7.044.270

## GT mua ròng nhiều nhất

NTP	31.123.060
VCS	19.204.810
DBC	14.953.300
DXP	5.950.920
VCG	4.188.370
KLS	4.045.100
VC2	2.739.750
CTN	1.939.370
VNR	1.870.660
SD7	1.615.390

## KL bán nhiều nhất

BCC	1.930.500
PVS	1.686.700
KBC	810.500
KLS	668.800
NTP	554.300
PVI	447.800
BTS	403.300
VCG	316.600
BVS	280.200
SHB	174.000

## GT bán nhiều nhất

NTP	58.556.300
PVS	53.486.350
KBC	49.114.080
BCC	23.623.060
KLS	17.095.850
VCG	11.919.880
PVI	11.098.920
BVS	9.478.880
SDT	6.474.780
BTS	4.554.900

## GT bán ròng nhiều nhất

KBC	-31.915.390
BCC	-21.835.990
PVS	-7.869.290
SDT	-5.351.110
BTS	-4.435.900
PVI	-2.848.820
THB	-2.612.290
BVS	-2.434.610
VMC	-1.272.350
SHB	-1.216.720

## II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- **Giao dịch của NĐTNN**

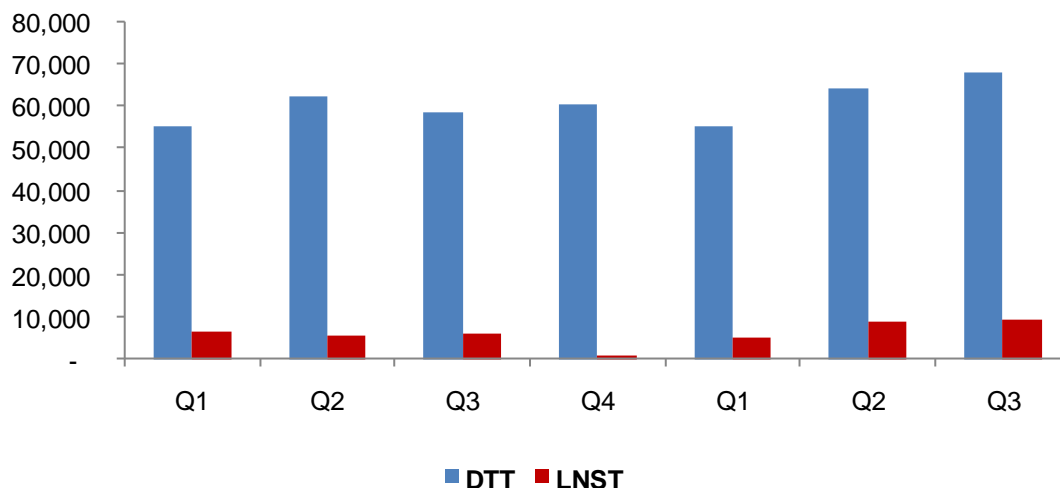
- Sàn HOSE: Giao dịch của các NĐTNN sôi động dần đến tháng 7 thì giảm đột ngột, sau đó tăng lên và đạt KL, GT cao nhất vào tháng 9. Trong 3 tháng cuối năm, NĐTNN đã mua ròng hơn 49 triệu CP, tương đương 2.187 tỷ đồng
- Sàn HNX: Khác với sàn HOSE, KL và GT giao dịch của các NĐTNN thấp nhất vào tháng 4, cao nhất vào tháng 6, bắt đầu mua ròng từ tháng 7 cho đến cuối năm với KL 24 triệu CP, tương đương 1.178 tỷ đồng

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

## • Một số thông tin cơ bản của các DNNY

		DTT		LNST		Tăng trưởng sv quý trước	Tăng trưởng sv cùng kỳ năm trước
						DTT	LNST
2008	Q1	55.197.381	6.358.010				
	Q2	62.224.642	5.592.065	12,7%	-12,0%		
	Q3	58.553.812	5.863.315	-5,9%	4,9%		
	Q4	60.391.527	678.567	3,1%	-88,4%		
2009	Q1	55.286.279	4.946.544	-8,5%	629,0%	0,2%	-22,2%
	Q2	64.063.597	8.928.449	15,9%	80,5%	3,0%	59,7%
	Q3	67.865.988	9.242.898	5,9%	3,5%	15,9%	57,6%

KQKD của 324 DNNY qua các quý (tỷ đồng)



Biểu đồ cho thấy kết quả kinh doanh của 324 DN tiêu biểu trên 2 sản phẩm. Giai đoạn khó khăn nhất đối với các DN kéo dài đến hết năm 2008. Trong quý I.2009, mặc dù DTT các DN giảm 8,5% so với quý trước nhưng LNST đã tăng trưởng ấn tượng trở về mức gần bằng so với quý II.2008. Từ quý II và quý III năm 2009, kết quả KD đều tăng trưởng khá ổn định. Đó là dấu hiệu cho thấy nền kinh tế đang dần hồi phục, chúng ta có thể lạc quan vào KQKD của các DN trong năm 2010.

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- Dự báo VN-Index cuối năm 2010**

Chỉ tiêu	Kịch bản 1	Kịch bản 2
Tăng trưởng GDP	6.5%	7%
Lạm phát	7%	10%
Tăng trưởng tín dụng	25%	30%
Thâm hụt thương mại	< 13 tỷ USD	> 13 tỷ USD
VN-Index	680	720 - 750
Tăng trưởng của VN-Index	37%	46% - 52%
Xác suất	60%	40%

Những kịch bản chúng tôi đưa ra chỉ dựa vào các yếu tố vĩ mô cơ bản, không tính đến các tác nhân khác như tâm lý các nhà đầu tư, các chính sách tài khóa mới, ...Nếu có các yếu tố khác gây ảnh hưởng lên dòng tiền, tâm lý của nhà đầu tư trên thị trường, chỉ số VN-Index có thể dao động ngoài các vùng dự báo này.

# II. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

- **Danh mục từ viết tắt**

• CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
• DN	Doanh nghiệp
• DNNY	Doanh nghiệp niêm yết
• ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
• DTT	Doanh thu thuần
• FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
• GDCK	Giao dịch chứng khoán
• GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
• IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
• KLGD	Khối lượng giao dịch
• KNNK	Kim ngạch nhập khẩu
• KNXK	Kim ngạch xuất khẩu
• KQKD	Kết quả kinh doanh
• LNST	Lợi nhuận sau thuế
• NHHN	Ngân hàng Nhà nước
• NSNN	Ngân sách Nhà nước
• ODA	Viện trợ phát triển chính thức
• SXCN	Sản xuất Công nghiệp
• TTCK	Thị trường chứng khoán
• TTCP	Thủ tướng Chính phủ
• TTGDCK	Trung tâm giao dịch chứng khoán

# XIN CHÂN THÀNH CẢM ƠN !



PHÒNG PHÂN TÍCH - TƯ VẤN  
Trình bày: NGUYỄN HỒNG TRÂM